

Số: 246/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng như sau:

1. Sửa đổi điểm c và bổ sung điểm d khoản 2 Điều 8 như sau:

- "c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay;
d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA."

2. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 8 và các điểm c, d khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.”

4. Sửa đổi tên khoản 3 Điều 9 như sau:

"3. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay, bao gồm:"

5. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 9 như sau:

"3a. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;

d) Trường hợp người được chỉ định tại văn bản IDERA là người nhận bảo đảm bằng tàu bay, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày nộp hồ sơ đề nghị."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

"5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo Mẫu số 06a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định."

Điều 2. Bổ sung, thay thế cụm từ, bãi bỏ một số điểm của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay như sau:

1. Bổ sung Mẫu số 02a, Mẫu số 06a và Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thay thế cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Bộ Xây dựng" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30.

3. Thay thế cụm từ "BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI" bằng cụm từ "BỘ XÂY DỰNG", thay thế cụm từ "MINISTRY OF TRANSPORT" bằng cụm từ "MINISTRY OF CONSTRUCTION" tại các Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

4. Bãi bỏ điểm c và d khoản 3 Điều 9.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA đã gửi đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà